

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 tháng 03

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 08 – 09/03/2023

Ngày cung cấp TT: 10/03/2023

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Như Trác	Cống đóng.
2	2	Cống Hữu Bị	Cống mở.
3	3	Cống Cốc Thành	Cống đóng.
4	4	Cống sông Chanh	Cống mở.
5	5	Cống Nhâm Tràng	Cống đóng.
6	6	Cống Kinh Thanh	Cống đóng.
7	7	Cống Cỏ Đam	Cống đóng.
8	8	Cống Vĩnh Trị	Cống mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	16	Đập Vùa (CG12)	Đập mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau: Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: Cống Như Trác, Cống Hữu Bị, Cống Sông Chanh, Cống Vĩnh Trị, Đập La Chợ, Đập Vừa (CG12). Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Trảng, Cống Kinh Thanh, Cống Cỏ Đam, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh T6. Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh). Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: Các vị trí đạt các giới hạn trên. Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Nước màu xanh.	7.10	25.20	6.70	0.1	0.135	210	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		15			
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Dòng chảy nhanh. Cổng mở, lấy nước vào. Nước màu xanh.	7.26	26.90	6.55	0.1	0.158	224	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc Thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh.	7.60	25.60	5.80	0.3	0.380	445	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy trung bình. Cổng mở lấy nước vào. Nước màu vàng lục.	7.38	31.80	6.20	0.2	0.317	324	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
5	Cổng	Đánh giá nhanh	Trời nắng, nhiệt độ	7.37	38.30	5.17	0.4	0.743	549	Giá trị các chỉ

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		15		
	Nhâm Tràng	chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	26°C, độ ẩm 55%, mật độ mây 70%, gió ĐN 18 km/h. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Cổng đóng. Nước màu vàng lục.							tiêu đạt giới hạn cho phép A2
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời có mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 80%, gió ĐN 18 km/h. Không có dòng chảy, cổng đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục. Nhiều bèo ở thượng lưu cống.	8.18	25.40	5.03	0.4	3.150	501	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
7	Cổng Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 56%, mật độ mây 80%, gió ĐN 18 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Trạm	7.54	21.20	5.62	0.3	0.608	475	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		15			
			bơm đang hoạt động lấy nước vào kênh tưới. Nước màu vàng lục.							
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở, lấy nước vào hệ thống. Nước màu vàng nhạt.	7.40	30.20	6.10	0.2	0.191	230	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 90%, gió ĐN 11 km/h. Không có dòng chảy. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	7.30	28.70	5.62	0.4	0.331	534	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 85%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng	7.38	40.20	5.27	1.1	8.550	1370	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		15			
			chảy. Trên mặt kênh phủ kín bèo. Nước màu xanh lục.							
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 78%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy chậm. Trên kênh có nhiều bèo. Nước màu lục.	7.32	25.40	5.95	0.2	0.203	240	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 85%, gió ĐN 13 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục, nhiều bèo trên sông.	7.00	41.80	5.72	0.2	0.857	327	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nhiều mây âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 90%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, cống mở. Mực nước thấp. Nước màu	6.80	51.80	4.48	0.4	1.755	513	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		15		
			vàng lục.							
14	Đập La Chơ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 71%, mật độ mây 80%, gió ĐN 11 km/h. Dòng chảy rất chậm. Nước màu lục.	7.09	50.80	6.41	0.2	0.070	287	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 80%, gió ĐN 10 km/h. Dòng chảy rất chậm. Trên kênh có nhiều rác thải, có dấu hiệu phú dưỡng. Nước màu xanh lục.	7.12	26.50	4.57	0.4	1.710	609	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
16	Đập Vũa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 90%, gió ĐN 3 km/h. Dòng chảy trung bình. Đập mở. Nước màu lục.	7.13	49.20	6.69	0.2	0.230	295	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
17	Cầu Chủ (sông Châu	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 95%, gió ĐN 3	6.81	15.50	3.54	0.4	1.913	591	Giá trị chỉ tiêu DO thấp hơn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		15			
	Giang)		km/h. Không có dòng chảy. Trên mặt sông nhiều bèo, rau muống và rác. Nước màu xanh đen.							(không đạt) giới hạn cho phép B1
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 85%, gió ĐN 19 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu lục. Nhiều bèo trôi trên kênh, nước có dấu hiệu phú dưỡng.	7.54	29.80	5.09	0.4	1.643	589	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 83%, mật độ mây 85%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục.	7.35	50.50	4.70	1.1	3.870	1360	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực	Trời nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 85%, gió ĐN 10 km/h.	7.13	52.60	5.93	0.4	0.252	493	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2015 A1		6 – 8.5		6		2		
		QCVN 08:2015 A2		6 – 8.5		5		5		
		QCVN 08:2015 B1		5.5 – 9		4		10		
		QCVN 08:2015 B2		5.5 – 9		2		15		
		huyện Vụ Bản.	Dòng chảy chậm. Nước màu vàng lục, nhiều bèo trên kênh.							

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI